

# **Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám Sát	14
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	21
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	26 - 61

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 175.830.022.100 đồng, tương đương với 17.583.002,21 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Bà Phạm Thị Phương Nhi	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 15 tháng 7 năm 2017 là Ông Avinash D. Satwalekar - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

Người đại diện pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 15 tháng 7 năm 2017 đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Vũ Quang Đông - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả thu nhập giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 25,14% và 22,93% so với ngày 30 tháng 6 năm 2016.

#### 3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có mức vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có mức vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	Có thể đến 100%
Tiền	Gần như không có rủi ro	Phần tiền chưa đầu tư

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

#### 5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 309.415.839.961 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 17.583.002,21 chứng chỉ quỹ.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số chứng khoán bao gồm 100 cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định ("VN100 Index").

10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ và Ban Đại diện Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho thấy khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ:** Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. **Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (%)
Danh mục chứng khoán	74,80	79,98
Tài sản khác	25,20	20,02
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	309.415.839.961	140.019.463.834
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	17.583.002,21	9.956.880,59
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ	17.597,44	14.062,58
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	17.597,44	14.062,58
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.175,95	11.180,96
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	17.597,44	14.062,58
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	17.597,44	14.062,58
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.175,95	11.180,96
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	24,87%	36,95%
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	23,54%	4,52%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,33%	32,42%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,41%	3,14%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2340	0,5088

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng kỳ
1 năm	25,14%	25,14%
Từ khi thành lập	75,97%	21,87%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	22,93%	9,53%



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

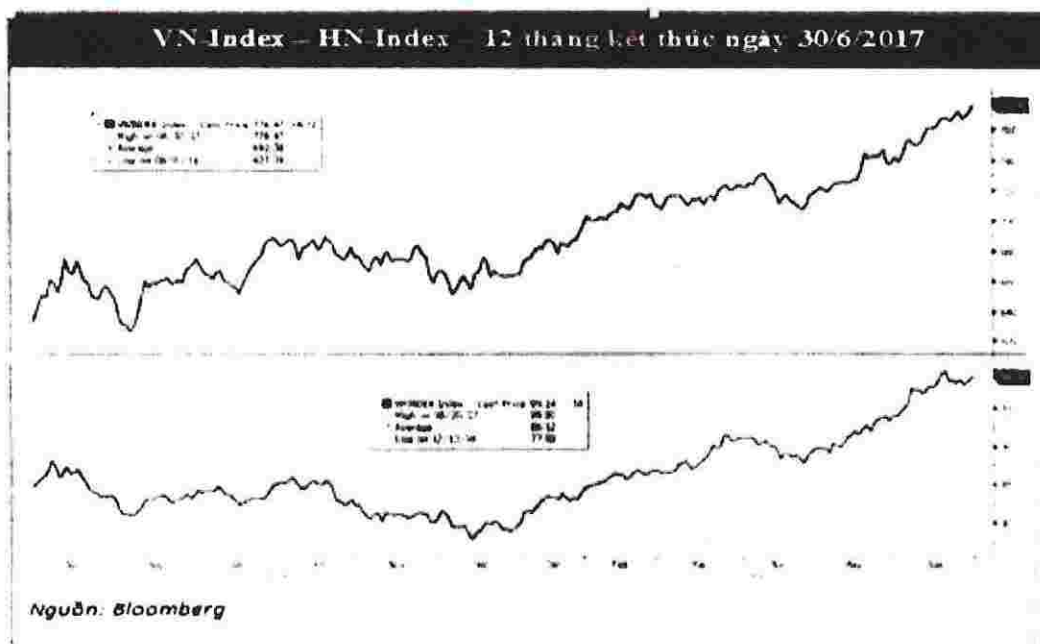
### 4. Tăng trưởng 1 năm trước đó

Thời kỳ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	25,14%	36,95%

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

### THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

**VNIndex tăng 16,8% từ đầu năm sau khi giảm mạnh vào cuối năm 2016**



Sau khi giảm trong Quý 4/2016 do những bất ổn từ cuộc bầu cử tại Mỹ và bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài, thị trường đã hồi phục mạnh trong nửa đầu năm 2017, đóng cửa ngày 30 tháng 6 năm 2017 với 776,47 điểm, xác lập mức đỉnh trong vòng 9 năm trở lại đây. Ngoài kết quả kinh doanh tích cực trong Quý 1, thị trường tiếp tục được hỗ trợ bởi các chính sách thúc đẩy tăng trưởng của Chính phủ và mức mua ròng kỷ lục của nhà đầu tư nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2017. Lần gần đây nhất, VN-Index đạt được mức này là ngày 19 tháng 2 năm 2008 và tại thời điểm đó P/E vào khoảng 21 lần trong khi P/E cuối Quý 2 là 16,6 lần.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỶ (tiếp theo)

**Bên cạnh sự đóng góp chính từ VNM, PLX và 4 mã cổ phiếu ngân hàng MBB, BID, CTG và VCB đóng góp hơn 1/4 mức tăng của thị trường trong 6 tháng đầu năm**

Động lực tăng trưởng lớn nhất của chỉ số trong 6 tháng đầu năm 2017 vẫn là cổ phiếu quen thuộc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM), với đóng góp 18,7% vào số điểm tăng của chỉ số VNIndex trong kỳ. VNM đã tăng 27,2% trong 6 tháng đầu năm 2017 nhờ lực mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài và kết quả kinh doanh Quý 1 ấn tượng. Sau khi bán ròng mạnh từ tháng 8 năm 2016 với tổng bán ròng trong 5 tháng cuối năm 2016 lên tới 15,7 triệu cổ phiếu, nhà đầu tư nước ngoài đã quay trở lại mua ròng 28 triệu cổ phiếu VNM trong nửa đầu năm 2017. F&N Dairy Investments đã tăng mức nắm giữ từ 13,65% ở cuối năm 2016 lên 16,04% vào cuối Quý 2 năm 2017. Trong khi đạt kế hoạch tăng trưởng 8,0% doanh thu và 4,0% lợi nhuận trong năm 2017, lợi nhuận Quý 1 của VNM đã tăng tới 34,0% so với cùng kỳ nhờ giá sữa đầu vào giảm (giảm 15,9% trong Quý 1 năm 2017) và chi phí bán hàng được cắt giảm trong Quý 1 năm 2017 do đã chi một khoản chi phí quảng cáo lớn trong Quý 4 năm 2016.

Động lực tăng trưởng tiếp theo là một công ty mới niêm yết, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX). PLX niêm yết vào ngày 21 tháng 4 năm 2017, đã tăng 41,1% đến cuối Quý 2 năm 2017, đóng góp 10% số điểm tăng thêm của VNIndex trong 6 tháng đầu năm và tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu này đã có giá trị vốn hóa lớn thứ sáu trên thị trường. PLX là tập đoàn xăng dầu hàng đầu ở Việt Nam chiếm 50% thị phần bán lẻ và có hệ thống 5.200 điểm bán lẻ trên toàn quốc. Cổ phiếu PLX được định giá cũng cao với P/E dựa trên kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của công ty là 19,4 lần.

Các cổ phiếu trong ngành ngân hàng tăng trong Quý 1 với kỳ vọng về khả năng nới giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và tăng trong Quý 2 nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận và nghị quyết xử lý nợ xấu được Quốc Hội thông qua vào kỳ họp thứ nhất năm 2017. Mặc dù chúng tôi cho rằng nghị quyết xử lý nợ xấu là một bước tiến tích cực trong tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, nghị quyết này không thể có tác dụng ngay lập tức. Thay vào đó, hệ thống ngân hàng sẽ cần nhiều năm để tái cấu trúc và thanh lọc hệ thống.

Xét về góc độ ngành, ngành y tế có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong 6 tháng đầu năm, tăng 61,8%, với sự đóng góp chủ yếu của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG, tăng 95,0%), Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (DMC, tăng 92,6%). Bên cạnh lợi nhuận tăng mạnh được ghi nhận ở Quý 1, nhóm ngành này được hỗ trợ bởi việc nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Ngành bán lẻ đứng thứ hai về tỷ lệ tăng trưởng, tăng 43,6% từ đầu năm 2017 với sự đóng góp của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ), Tập đoàn Thiên Long (TLG), Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (HAX) và Công ty Cổ phần City Auto (CTF). Lợi nhuận trước thuế của PNJ nửa đầu năm 2017 tăng 54% so với năm trước do doanh thu tăng 25%, đến từ việc tăng cường mở các cửa hàng mới, tăng trưởng của các cửa hàng cũ và không có khoản dự phòng đầu tư tài chính. Giá tối thiểu trong đợt phát hành riêng lẻ gần đây của PNJ là 95.000/cổ phần cũng là một yếu tố thúc đẩy giá thị trường bên cạnh lợi nhuận tốt.

Ngành ngân hàng tăng 28,9% từ đầu năm. Ngoại trừ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) với mức tăng khiêm tốn là 8,6%, 4/5 cổ phiếu ngân hàng trong VNIndex có mức tăng trên 40% từ đầu năm, trong đó Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) có mức tăng trưởng cao nhất, đạt 66,0%. Như đã đề cập ở trên, kỳ vọng tăng giới hạn sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài và kỳ vọng cải thiện lợi nhuận khi tăng cường xử lý nợ xấu nhờ Nghị quyết xử lý nợ xấu được Quốc hội thông qua vào tháng 6 năm 2017 đã giúp đẩy giá cổ phiếu các ngân hàng tăng cao. Với trường hợp của MBB, MBB đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 25% trong năm 2017 và đang bám sát kế hoạch này với mức tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2017 đạt 32,8% so với cùng kỳ năm trước. Lãi biên được cải thiện do tỷ lệ tín dụng/huy động được đẩy mạnh và gia tăng cho vay cá nhân với lãi suất cao hơn cùng mức tăng trưởng cao về phí đã giúp MBB đạt lợi nhuận trước thuế cao trong kỳ.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BAO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

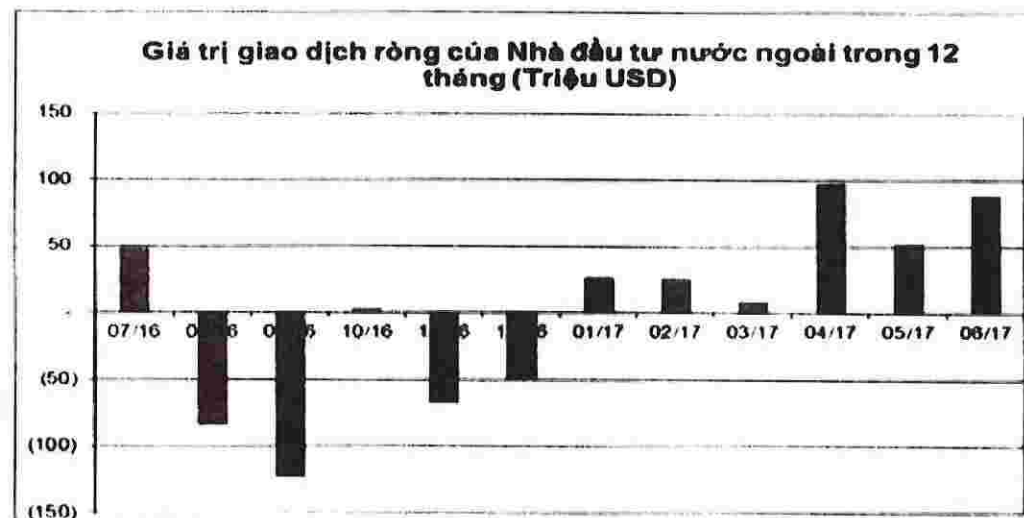
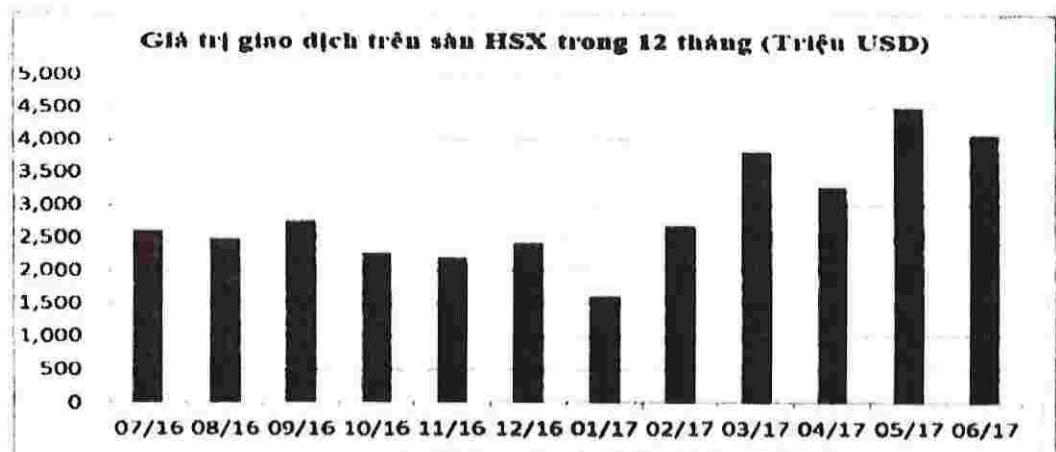
## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỶ (tiếp theo)

Một yếu tố chung của một số cổ phiếu tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm, dù là bán lẻ, chăm sóc sức khỏe hay công nghệ là đều có hệ thống phân phối rộng lớn và đang có tỷ lệ tăng trưởng cao cả số lượng cửa hàng mới và doanh số của các cửa hàng cũ. Điều này chứng tỏ rằng các công ty Việt Nam có mạng lưới phân phối rộng lớn đang và sẽ tiếp tục có kết quả kinh doanh tốt khi mà tiêu dùng nội địa và thu nhập đang tăng lên.

### Thanh khoản tăng đáng kể trong nửa đầu năm 2017

Giá trị giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao Dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) trong 6 tháng đầu năm 2017 đạt trên 450.000 tỷ đồng, tăng 67,2% so với cùng kỳ năm 2016, bằng tốc độ tăng của giá trị giao dịch bình quân/ngày (đạt trên 3.700 tỷ đồng/ngày so với chỉ hơn 2.200 tỷ đồng/ngày của 6 tháng đầu năm 2016). Thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng, mức độ quan tâm của nhà đầu tư tăng khi thị trường chứng khoán đã có 5 năm liên tiếp tăng trưởng dương trong khi lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp và nguồn cung cổ phiếu tăng mạnh nhờ chính sách thúc đẩy niêm yết của Chính phủ được cho là các lý do chính thúc đẩy thanh khoản trên thị trường.

Nhà đầu tư nước ngoài sau khi bán ròng rất mạnh trong năm 2016 đã quay lại mua ròng trên 390 triệu USD từ đầu năm, tính riêng cho sàn HSX.





Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	2,33%	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	22,81%	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	25,14%	21,87%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	309.415.839.961	140.019.463.834	120,98%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	17.597,44	14.062,58	25,14%

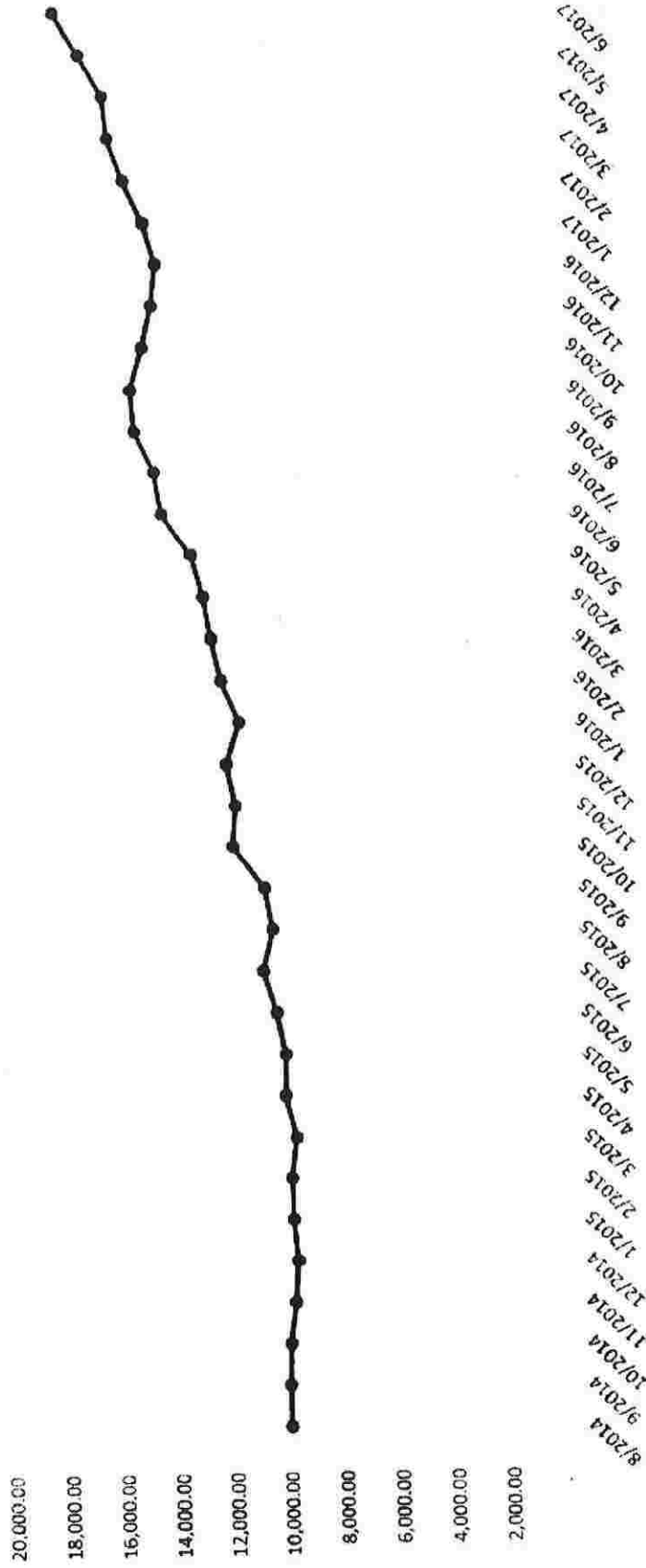
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)**

**Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:**



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	800	1.520.227,94	8,65%
Từ 5.000 - 10.000	194	1.334.810,89	7,59%
Từ 10.000 đến 50.000	161	3.298.792,13	18,76%
Từ 50.000 đến 500.000	43	4.830.227,00	27,47%
Trên 500.000	3	6.598.944,25	37,53%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.201</b>	<b>17.583.002,21</b>	<b>100,00%</b>

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

### 1. Triển vọng kinh tế vĩ mô

Chính phủ duy trì cam kết tăng trưởng GDP 6.7% cho cả năm 2017 và đã đẩy mạnh các giải pháp để đạt được mục tiêu này kể từ Quý 1. Chỉ thị số 24/CT-TTg ban hành ngày 2 tháng 6 năm 2017 yêu cầu các bộ ngành nỗ lực để đạt được mục tiêu cho từng ngành. Gần đây nhất là quyết định cắt giảm 25 điểm phần trăm trong các lãi suất chính sách và 50 điểm phần trăm mức lãi suất trần cho vay các ngành ưu tiên nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Mặc dù để đạt được mức tăng trưởng trên 7,0% cho hai quý cuối năm là khó khả thi, chúng tôi cũng không quá bi quan về tăng trưởng do tăng trưởng khu vực sản xuất vẫn tốt trong khi ảnh hưởng của khai khoáng lên tốc độ tăng trưởng trong nửa cuối năm được kỳ vọng sẽ giảm do ngành này đã giảm mạnh trong nửa cuối năm 2016.

Mặc dù có thể không đạt tốc độ tăng trưởng đề ra, nền kinh tế vẫn đang phát triển tốt. Ngân hàng có thể tăng tín dụng mà chưa gây áp lực lên nợ xấu. Chính phủ cũng thực hiện các giải pháp để giảm thâm hụt tài khóa. Ủy ban Kinh tế Quốc hội dự báo GDP sẽ ở mức 6,3-6,5%, một mức tăng trưởng không phải quá tồi trong tương quan với tăng trưởng các nước trong khu vực.

### 2. Triển vọng thị trường cổ phiếu

Lần gần đây nhất chỉ số VN-Index đạt 776 điểm là vào ngày 19 tháng 2 năm 2008. Sự khác nhau giữa chỉ số ở hai thời điểm là ở định giá thị trường vì P/E ở năm 2008 vào khoảng 21 lần và cuối Quý 2 năm 2017 là 16 lần. Đúng là số điểm tuyệt đối của chỉ số là cao và định giá thị trường PE đã không còn là một con số, nhưng cũng chưa phải là quá cao khi định giá vẫn thấp hơn quá khứ và các chỉ số kinh tế vĩ mô vẫn đang được cải thiện tích cực. Hơn nữa, không phải tất cả các công ty đều được định giá cao vì mức trung vị P/E của toàn bộ thị trường (HSX, HNX và Upcom) chỉ là hơn 10 lần và P/E trung vị của các công ty có vốn hóa lớn hơn công ty thứ 100 trên thị trường mà Quỹ tập trung đầu tư chỉ khoảng 14 lần.



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

**2. Triển vọng thị trường cổ phiếu (tiếp theo)**

Quốc gia	Chỉ số	Định giá thị trường chung khu vực Nam á và một số thị trường mới nổi khác						
		Định giá 2017	12 tháng gần nhất	Quỹ đầu tư	ROE (%)	EV/EBITDA	PE	PB
Trung Quốc	SHCOMP Index	6.6	10.5	14.6x	17.2x	1.7x		
Thái Lan	SET Index	3.4	12.2	9.8x	16.0x	1.9x		
Malaysia	FBMKLCI Index	4.7	10.8	10.4x	16.6x	1.7x		
Indonesia	JCI Index	5.2	10.1	12.2x	24.9x	2.5x		
Ấn Độ	NXIN Index	7.1	14.4	12.3x	21.7x	3.0x		
Brazil	IBX Index	0.5	8.9	8.1x	16.6x	1.5x		
	IBOV Index		8.6	8.2x	16.8x	1.5x		
Philippine	PCOMP Index	6.5	12.1	13.4x	21.7x	2.4x		
Hàn Quốc	KOSPI Index	2.7	7.9	8.2x	17.1x	1.1x		
<b>Việt Nam</b>	<b>VNIndex</b>	<b>6.4</b>	<b>14.2</b>	<b>11.9x</b>	<b>16.5x</b>	<b>2.3x</b>		
Việt Nam	Toàn bộ thị trường - Trung vj		9.5	7.0x	10.3x	1.0x		
Việt Nam	Trọng tâm đầu tư của quỹ (*) - Trung vj		14.6	11.1x	14.3x	1.8x		

Nhìn vào dài hạn, chúng tôi vẫn lạc quan về triển vọng của kinh tế Việt Nam và triển vọng thị trường chứng khoán và sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ phân bổ cổ phiếu ở mức cao cho cả hai quỹ VCBF-BCF & VCBF-TBF. Mặc dù việc lựa chọn cổ phiếu chắc chắn sẽ khó hơn do định giá thị trường đã ở mức cao, chúng tôi tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới phù hợp với điều kiện phát triển liên tục và năng động của Việt Nam và thế giới, với mức định giá phù hợp để thay thế các cổ phiếu đã đạt giá mục tiêu của chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục tận dụng các biến động của thị trường để có thể mua được các cổ phiếu ưa thích ở các mức giá mục tiêu.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Báo cáo bạch của Quỹ.



**Ông Vũ Quang Đông**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF ("Quý"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi, Quý đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quý cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành và quỹ mở, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quý đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quý không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017.



**Lê Sỹ Hoàng**  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Vũ Hương Giang**  
Phụ trách Bộ phận Giám sát

**Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited**

**Head Office**

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000

Fax : (84 4) 3837 8356

Swift: SCBLVNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61141024/19450278-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 17 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>57.436.357.979</b>	<b>20.147.560.506</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	14	4.487.146.200	1.864.132.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	15	1.228.528.379	153.815.606
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	16	306.457.210	10.764.313.810
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	51.414.226.190	7.365.299.090
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>84.415.721</b>	<b>76.983.056</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	84.415.721	76.983.056
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>2.837.169.473</b>	<b>1.509.231.986</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	27.1	2.283.733.245	953.283.447
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	27.2	134.524.201	165.640.845
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	27.2	95.700.000	138.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	27.2	59.400.000	25.486.895
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	27.2	66.000.000	33.150.879
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		63.561.935	17.793.805
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		65.457.539	61.706.865
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	19	68.792.553	113.569.250
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>54.514.772.785</b>	<b>18.561.345.464</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>87.066.198</b>	<b>39.331.775</b>
24.1	5.1 Thu nhập khác	21	87.066.198	39.331.775
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>54.601.838.983</b>	<b>18.600.677.239</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		3.187.612.793	11.235.378.149
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		51.414.226.190	7.365.299.090
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>54.601.838.983</b>	<b>18.600.677.239</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**B01g-QM**



**Bà Trần Thị Hà Linh**  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

  
**Ông Vũ Quang Đông**  
Tổng Giám đốc

**Bà Võ Thị Thùy Linh**  
Người lập biểu



**Bà Nguyễn Băng Tâm**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>78.124.406.865</b>	<b>32.222.890.240</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		15.690.368.400	6.760.228.221
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		62.434.038.465	25.462.662.019
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>5</b>	<b>234.370.019.650</b>	<b>145.076.039.250</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư		234.370.019.650	145.076.039.250
	2.1a Cổ phiếu niêm yết		234.370.019.650	144.294.379.250
	2.2b Quyền mua chứng khoán		-	781.660.000
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>6</b>	<b>835.823.390</b>	<b>275.654.964</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		835.823.390	275.654.964
136	3.1a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		835.823.390	275.654.964
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>313.330.249.905</b>	<b>177.574.584.454</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	101.552.100
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	<b>7</b>	<b>695.676.787</b>	<b>590.264.154</b>
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15.400.039	5.097.067
316	4. Chi phí phải trả	<b>8</b>	<b>97.416.448</b>	<b>93.000.000</b>
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	<b>9</b>	<b>1.419.330.159</b>	<b>830.171.145</b>
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	<b>10</b>	<b>268.298.634</b>	<b>-</b>
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	<b>11</b>	<b>1.418.287.877</b>	<b>365.247.792</b>
320	8. Phải trả, phải nộp khác		-	2.972.500
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.914.409.944</b>	<b>1.988.304.758</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)</b>		<b>309.415.839.961</b>	<b>175.586.279.696</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		175.830.022.100	124.596.866.300
412	1.1 Vốn góp phát hành	<b>12</b>	<b>206.457.072.400</b>	<b>147.418.105.400</b>
413	1.2 Vốn góp mua lại	<b>12</b>	<b>(30.627.050.300)</b>	<b>(22.821.239.100)</b>
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		46.675.849.734	18.681.284.252
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	<b>13</b>	<b>86.909.968.127</b>	<b>32.308.129.144</b>
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)</b>	<b>12</b>	<b>17.597,44</b>	<b>14.092,35</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
004	1. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	12	17.583.002,21	12.459.686,63



Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Bà Võ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	175.586.279.696	89.232.348.574
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	54.601.838.983	18.600.677.239
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	54.601.838.983	18.600.677.239
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	79.227.721.282	32.186.438.021
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	91.627.757.095	37.555.776.045
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(12.400.035.813)	(5.369.338.024)
IV	NAV của Quỹ mở cuối kỳ	309.415.839.961	140.019.463.834



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ  
 ngày 30 tháng 6 năm 2017

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>234.370.019.650</b>	<b>74,80%</b>
1	ACB	306.900	25.900	7.948.710.000	2,54%
2	ANV	178.810	11.950	2.136.779.500	0,68%
3	BCC	600.000	15.100	9.060.000.000	2,89%
4	BMP	23.400	99.000	2.316.600.000	0,74%
5	CAV	41.140	57.500	2.365.550.000	0,75%
6	DGC	58.217	32.400	1.886.230.800	0,60%
7	DHG	84.075	124.300	10.450.522.500	3,34%
8	DPR	134.250	43.500	5.839.875.000	1,86%
9	FCN	158.920	27.800	4.417.976.000	1,41%
10	FOX	15.600	73.500	1.146.600.000	0,37%
11	FPT	357.811	46.850	16.763.445.350	5,35%
12	GAS	24.000	58.300	1.399.200.000	0,45%
13	HCM	200.000	44.600	8.920.000.000	2,85%
14	HDG	79.873	30.000	2.396.190.000	0,76%
15	KDC	93.880	46.500	4.365.420.000	1,39%
16	MBB	1.108.389	22.300	24.717.074.700	7,89%
17	NCT	183.410	81.000	14.856.210.000	4,74%
18	NNG	116.100	8.900	1.033.290.000	0,33%
19	NSC	89.790	109.000	9.787.110.000	3,12%
20	NT2	72.800	28.550	2.078.440.000	0,66%
21	PET	304.740	12.250	3.733.065.000	1,19%
22	PGC	127.300	14.000	1.782.200.000	0,57%
23	PLC	56.750	27.900	1.583.325.000	0,51%
24	PNJ	6	101.800	610.800	0,00%
25	PVD	6	13.850	83.100	0,00%
26	PVS	471.300	16.800	7.917.840.000	2,53%
27	PVT	305.910	14.950	4.573.354.500	1,46%
28	RAL	9.540	137.700	1.313.658.000	0,42%
29	SVC	27.000	52.500	1.417.500.000	0,45%
30	SVI	52.428	39.000	2.044.692.000	0,65%
31	TCL	120.530	30.900	3.724.377.000	1,19%
32	TCM	609.882	29.800	18.174.483.600	5,80%
33	TMS	74.270	64.000	4.753.280.000	1,52%
34	VHC	20.180	59.000	1.190.620.000	0,38%
35	VIT	116.700	28.700	3.349.290.000	1,07%
36	VNM	170.000	157.600	26.792.000.000	8,55%
37	VNR	134.400	24.000	3.225.600.000	1,03%
38	VSC	235.899	63.200	14.908.816.800	4,76%
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>835.823.390</b>	<b>0,27%</b>
1	Cổ tức, được nhận			741.840.000	0,24%
2	Phải thu lãi tiền gửi			93.983.390	0,03%
<b>III</b>	<b>Tiền</b>			<b>78.124.406.865</b>	<b>24,93%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			15.690.368.400	5,00%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			62.434.038.465	19,93%
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>313.330.249.905</b>	<b>100,00%</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**B04g-QM**



**Bà Trần Thị Hà Linh**  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



**Ông Vũ Quang Đông**  
Tổng Giám đốc



**Bà Võ Thị Thùy Linh**  
Người lập biểu



**Bà Nguyễn Băng Tâm**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>54.601.838.983</b>	<b>18.600.677.239</b>
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	(51.414.226.190)	(7.365.299.090)
04	Giảm/(tăng) chi phí trích trước		4.416.448	(48.293.135)
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		<b>3.192.029.241</b>	<b>11.187.085.014</b>
	Tăng các khoản đầu tư		(37.879.754.210)	(21.790.362.810)
07	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	(4.758.421.646)
10	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(560.168.426)	(34.760.448)
11	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(101.552.100)	1.270.903.500
13	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		105.412.633	311.631.280
14	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		10.302.972	1.423.038
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		589.159.014	85.801.600
16	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		268.298.634	52.493.571
17	Giảm phải trả, phải nộp khác		(2.972.500)	-
17	Tăng phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		1.053.040.085	268.627.061
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		<b>(33.326.204.657)</b>	<b>(13.405.579.840)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	12	91.627.757.095	37.555.776.045
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	12	(12.400.035.813)	(5.369.338.024)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>79.227.721.282</b>	<b>32.186.438.021</b>
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		<b>45.901.516.626</b>	<b>18.780.858.181</b>

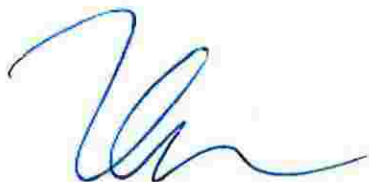


Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>32.222.890.240</b>	<b>4.848.484.314</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		31.389.746.595	4.603.934.314
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		25.462.662.019	2.000.000.000
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		833.143.645	244.550.000
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>78.124.406.865</b>	<b>23.629.342.495</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		74.421.435.070	20.425.310.997
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		62.434.038.465	14.074.196.759
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		3.702.971.795	3.204.031.498
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>45.901.516.625</b>	<b>18.780.858.181</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

#### Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

#### Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quỹ mở vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 175.830.022.100 đồng, tương đương với 17.583.002,21 chứng chỉ quỹ.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào chứng khoán và giấy tờ có giá của một tổ chức phát hành có giá trị từ năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị chứng khoán của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- g) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- h) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- i) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (h) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- g) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, được lập theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả kinh doanh giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 và Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng VND.

### 2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ban Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

#### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

#### *Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu khác" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

#### *Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ Quỹ. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.</p>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch) sử dụng một trong các phương pháp định giá sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> </ul> </li> </ul> <p>Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc ngày trước</p>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong năm) của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, sử dụng một trong các phương pháp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> </ul> </li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
9.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> </ul> <p>Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>
10.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> </ul> <p>Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>
11.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi}</p>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
12.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong Sổ tay định giá.
<b>Các tài sản khác</b>		
14.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong Sổ tay định giá.

**Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Quyền mua cổ phiếu**

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

**Các khoản đầu tư đem đi thế chấp**

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

#### 3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

#### 3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### 3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

##### (i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,9% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

##### (ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng 6 tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong năm định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

##### (iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 10.000.000 + 0,01% \* Giá trị giao dịch trong tháng (từ giao dịch số 401 trở đi).

#### 3.9.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng, từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

#### 3.9.3 Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng, từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.3 Phí lưu ký (tiếp theo)

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Phí lưu ký} = 0,04\% \cdot \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \cdot \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}$$

#### 3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

### 3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11 Thuế (tiếp theo)

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

### 3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	62.434.038.465	25.462.662.019
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	11.987.396.605	5.927.084.576
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	3.702.971.795	833.143.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.124.406.865</b>	<b>32.222.890.240</b>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết	<b>175.371.856.386</b>	<b>234.370.019.650</b>	<b>58.998.163.264</b>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
<b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>		
Dự thu cổ tức	741.840.000	225.600.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	93.983.390	50.054.964
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>835.823.390</b>	<b>275.654.964</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự thu cổ tức như sau:

<u>Mã chứng khoán</u>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</u>
TCM	290.420.000	-
DPR	268.500.000	-
FCN	158.920.000	-
GAS	24.000.000	55.200.000
HCM	-	100.000.000
NT2	-	36.400.000
BMP	-	34.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>741.840.000</b>	<b>225.600.000</b>

Chi tiết dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	<u>Số tiền gốc VND</u>	<u>Kỳ hạn (tháng)</u>	<u>Lãi suất (%/năm)</u>	<u>Lãi dự thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</u>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (Thuyết minh 4)</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.201.445.919	1	5,50%	17.330.964
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.000.000.000	1	5,50%	16.805.556
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5.023.680.556	1	5,50%	14.582.628
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.018.944.444	1	5,50%	11.666.103
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	6.084.207.528	1	5,50%	7.436.254
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.223.539.742	1	5,50%	5.162.104
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	6.111.112.293	1	5,40%	4.583.334
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1.078.585.646	1	5,50%	4.449.166
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.167.654.808	1	5,50%	3.871.578
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.025.208.333	1	5,40%	3.768.906
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.095.904.368	1	5,40%	1.528.771
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.095.904.368	1	5,40%	1.528.771
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5.210.489.612	1	5,50%	796.047
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.097.360.848	1	5,50%	473.208
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.434.038.465</b>			<b>93.983.390</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả cho các đại lý phân phối	347.838.395	416.239.276
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	347.838.392	174.024.878
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>695.676.787</b>	<b>590.264.154</b>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả chi phí kiểm toán	65.457.539	66.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000
Phí quản lý thường niên phải trả cho SSC	4.958.909	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.416.448</b>	<b>93.000.000</b>

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa đến kỳ phân bổ Chứng chỉ quỹ	1.419.330.159	830.171.145

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	268.298.634	-

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	1.289.407.877	263.387.792
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	19.800.000	12.100.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	19.800.000	-
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	18.000.000	11.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	5.280.000	12.760.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.418.287.877</b>	<b>365.247.792</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	14.741.810,54	5.903.896,70	20.645.707,24
Giá trị ghi theo mệnh giá	147.418.105.400	59.038.967.000	206.457.072.400
Thặng dư vốn	24.865.449.176	32.588.790.095	57.454.239.271
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	172.283.554.576	91.627.757.095	263.911.311.671
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(2.282.123,91)	(780.581,12)	(3.062.705,03)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(22.821.239.100)	(7.805.811.200)	(30.627.050.300)
Thặng dư vốn	(6.184.164.924)	(4.594.224.613)	(10.778.389.537)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(29.005.404.024)	(12.400.035.813)	(41.405.439.837)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>12.459.686,63</b>	<b>5.123.315,58</b>	<b>17.583.002,21</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>143.278.150.552</b>	<b>79.227.721.282</b>	<b>222.505.871.834</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>32.308.129.144</b>	<b>54.601.838.983</b>	<b>86.909.968.127</b>
<b>NAV hiện hành</b>	<b>175.586.279.696</b>		<b>309.415.839.961</b>
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ</b>	<b>14.092,35</b>		<b>17.597,44</b>

**13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	27.911.804.863	24.724.192.070
Lợi nhuận chưa thực hiện (Thuyết minh 17)	58.998.163.264	7.583.937.074
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.909.968.127</b>	<b>32.308.129.144</b>

**14. CỔ TỨC**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Cổ tức thực nhận	3.745.306.200	1.695.796.000
Cổ tức dự thu (Thuyết minh 6)	741.840.000	168.336.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.487.146.200</b>	<b>1.864.132.000</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**14. CỐ TỨC (tiếp theo)**

Chi tiết cổ tức thực nhận trong năm như sau:

<u>Mã chứng khoán</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</u>
NCT	597.000.000	-
MBB	528.869.400	-
VNM	340.000.000	144.000.000
FPT	311.140.000	73.600.000
PVT	305.910.000	-
HCM	240.000.000	32.085.000
DHG	196.175.000	196.175.000
TCL	180.795.000	-
VNR	161.280.000	-
ANV	160.929.000	-
CAV	143.990.000	168.000.000
NT2	116.480.000	91.000.000
PLC	113.500.000	-
NSC	98.460.000	-
HDG	79.873.000	-
SVI	52.428.000	52.428.000
PGC	39.672.000	-
RAL	36.000.000	128.000.000
BMP	28.000.000	76.500.000
GAS	16.800.000	48.000.000
PNJ	4.800	-
DPR	-	164.980.000
TCM	-	34.500.000
KDC	-	38.880.000
PET	-	44.844.000
VSC	-	59.554.000
VIT	-	129.900.000
SVC	-	96.600.000
TRA	-	50.500.000
MWG	-	19.500.000
CTD	-	46.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.745.306.200</b>	<b>1.695.796.000</b>



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**15. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
<b>Tiền lãi thực nhận</b>	<b>1.134.544.989</b>	<b>126.811.492</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	1.134.544.989	113.675.666
Tiền gửi không kỳ hạn	-	13.135.826
<b>Tiền lãi dự thu</b>	<b>93.983.390</b>	<b>27.004.114</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	93.983.390	27.004.114
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.228.528.379</b>	<b>153.815.606</b>

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, đối với tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng giám sát, lãi suất áp dụng cho tiền gửi không kỳ hạn là 0%/năm.

**16. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>			
	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong kỳ này VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong kỳ trước VND</i>	
Cổ phiếu niêm yết	9.557.624.000	9.251.166.790	306.457.210	10.764.313.810

**17. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Cổ phiếu niêm yết VND</i>	<i>Quyền mua cổ phiếu VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Giá trị mua theo sổ kế toán	175.371.856.386	-	175.371.856.386
Giá thị trường	234.370.019.650	-	234.370.019.650
Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	58.998.163.264	-	58.998.163.264
Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	6.802.277.074	781.660.000	7.583.937.074
Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này	52.195.886.190	(781.660.000)	51.414.226.190

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	70.079.282	46.761.064
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	14.336.439	30.221.992
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.415.721</b>	<b>76.983.056</b>

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ ( <i>Thuyết minh 27.1</i> )	60.000.000	60.000.000
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.958.909	-
Phí Ngân hàng	3.050.984	6.247.250
Chi phí quản lý dữ liệu	-	13.860.000
Chi phí tư vấn pháp lý	-	33.000.000
Chi phí khác	782.660	462.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>68.792.553</b>	<b>113.569.250</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-QM

**20. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	17.545.185.000	56.277.145.000	0,15%	0,15%
2	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	3.271.100.000	56.277.145.000	0,15%	0,15%
3	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	24.146.076.000	56.277.145.000	0,15%	0,15%
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	Không liên quan	11.314.784.000	56.277.145.000	0,15%	0,15%
<b>Tổng</b>			<b>56.277.145.000</b>		<b>100,00%</b>	

**21. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc các nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ.



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Tăng/(giảm) NAV/ICCG
	NAV	NAV/ICCG tại ngày tính NAV	
	VND	VND	VND
Kỳ 1/Tháng 1	176.627.973.562	14.175,95	-
Kỳ 2/Tháng 1	179.764.504.450	14.290,33	114,38
Kỳ 3/Tháng 1	184.721.600.354	14.432,53	142,20
Kỳ 4/Tháng 1	193.803.033.635	14.461,33	28,80
Kỳ cuối/Tháng 1	199.351.517.155	14.511,20	49,87
Kỳ 1/Tháng 2	199.344.382.528	14.510,68	(0,52)
Kỳ 2/Tháng 2	202.936.561.797	14.767,08	256,40
Kỳ 3/Tháng 2	208.797.967.489	15.144,34	377,26
Kỳ 4/Tháng 2	219.788.979.126	15.314,31	169,97
Kỳ cuối/Tháng 2	220.050.790.776	15.209,31	(105,00)
Kỳ 1/Tháng 3	227.539.289.956	15.320,60	111,29
Kỳ 2/Tháng 3	230.008.154.797	15.328,83	8,23
Kỳ 3/Tháng 3	240.602.407.773	15.603,15	274,32
Kỳ 4/Tháng 3	241.751.578.831	15.628,07	24,92
Kỳ cuối/Tháng 3	241.458.829.040	15.737,83	109,76
Kỳ 1/Tháng 4	241.651.915.336	15.750,42	12,59
Kỳ 2/Tháng 4	245.054.524.061	15.793,71	43,29
Kỳ 3/Tháng 4	242.815.737.182	15.528,64	(265,07)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
			NAV	tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND	VND
Kỳ 4/Tháng 4	243.305.544.473	15.711.499,43	15.485,82	(42,82)	
Kỳ cuối/Tháng 4	252.882.967.403	15.910.325,14	15.894,26	408,44	
Kỳ 1/Tháng 5	252.865.288.097	15.910.325,14	15.893,15	(1,11)	
Kỳ 2/Tháng 5	257.985.384.327	16.095.550,38	16.028,36	135,21	
Kỳ 3/Tháng 5	266.321.194.255	16.427.104,07	16.212,30	183,94	
Kỳ 4/Tháng 5	277.792.665.224	16.821.694,63	16.513,95	301,65	
Kỳ 5/Tháng 5	282.125.517.894	16.896.607,77	16.697,16	183,21	
Kỳ cuối/Tháng 5	287.575.732.212	17.187.717,54	16.731,46	34,30	
Kỳ 1/Tháng 6	292.272.439.299	17.187.717,54	17.004,72	273,26	
Kỳ 2/Tháng 6	296.126.850.587	17.279.403,98	17.137,56	132,84	
Kỳ 3/Tháng 6	304.517.762.773	17.457.601,04	17.443,27	305,71	
Kỳ 4/Tháng 6	306.058.757.906	17.470.093,41	17.519,01	75,74	
Kỳ cuối/Tháng 6	309.415.839.961	17.583.002,21	17.597,44	78,43	
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	242.295.146.214				

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất

408,44

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất

(0,52)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	VND		tại ngày tính NAV	
Kỳ 1/Tháng 1	87.827.764.535	7.494.314,89	11.719,25	-
Kỳ 2/Tháng 1	86.638.689.713	7.525.548,06	11.512,60	(206,65)
Kỳ 3/Tháng 1	84.582.345.981	7.564.851,18	11.180,96	(331,64)
Kỳ 4/Tháng 1	85.274.560.346	7.603.134,03	11.215,71	34,75
Kỳ cuối/Tháng 1	89.360.318.711	7.837.576,46	11.401,52	185,81
Kỳ 1/Tháng 2	88.052.820.079	7.837.576,46	11.234,69	(166,83)
Kỳ 2/Tháng 2	90.344.491.168	7.859.357,76	11.495,14	260,45
Kỳ 3/Tháng 2	92.232.220.880	7.878.982,25	11.706,10	210,96
Kỳ 4/Tháng 2	95.334.293.210	7.894.388,47	12.076,21	370,11
Kỳ cuối/Tháng 2	95.360.807.844	7.922.697,10	12.036,40	(39,81)
Kỳ 1/Tháng 3	96.331.676.119	7.922.697,10	12.158,94	122,54
Kỳ 2/Tháng 3	98.179.000.283	7.922.697,10	12.392,11	233,17
Kỳ 3/Tháng 3	98.594.567.486	7.946.543,73	12.407,22	15,11
Kỳ 4/Tháng 3	99.254.633.229	7.977.494,70	12.441,83	34,61
Kỳ 5/Tháng 3	100.626.152.695	7.986.350,99	12.599,76	157,93
Kỳ cuối/Tháng 3	98.822.733.931	7.989.851,05	12.368,53	(231,23)
Kỳ 1/Tháng 4	98.745.598.592	7.989.851,05	12.358,87	(9,66)
Kỳ 2/Tháng 4	102.033.908.095	7.960.309,22	12.817,83	458,96
Kỳ 3/Tháng 4	99.543.122.290	7.985.195,89	12.465,95	(351,88)
Kỳ 4/Tháng 4	103.543.643.320	8.172.044,45	12.670,46	204,51
Kỳ cuối/Tháng 4	103.515.607.664	8.206.737,50	12.613,49	(56,97)
Kỳ 1/Tháng 5	103.495.150.784	8.206.737,50	12.610,99	(2,50)
Kỳ 2/Tháng 5	103.349.092.688	8.205.785,45	12.594,66	(16,33)
Kỳ 3/Tháng 5	106.087.759.814	8.247.579,06	12.862,89	268,23
Kỳ 4/Tháng 5	106.456.927.797	8.296.763,73	12.831,13	(31,76)
Kỳ cuối/Tháng 5	108.215.278.876	8.316.010,63	13.012,88	181,75



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo):

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
Kỳ 1/Tháng 6	110.077.976.431	8.345.273,83	13.190,45	177,57
Kỳ 2/Tháng 6	112.530.164.946	8.452.337,72	13.313,49	123,04
Kỳ 3/Tháng 6	116.158.169.049	8.501.192,57	13.663,74	350,25
Kỳ 4/Tháng 6	134.888.859.441	9.753.484,67	13.829,81	166,07
Kỳ cuối/Tháng 6	140.019.463.834	9.956.880,59	14.062,58	232,77

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 100.849.918.718

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất

458,96  
(2,50)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**23. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG**

**23.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành**

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến một năm	<b>17.583.002,21</b>	<b>12.459.686,63</b>

**24. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,41%	3,14%
Tốc độ vòng quay danh mục	23,40%	50,88%

**24.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động**

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

**24.2 Tốc độ vòng quay danh mục**

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

### 25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và quyền mua cổ phiếu của Quỹ là 234.370.019.650 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 23.437.001.965 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đang kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 23.437.001.965 đồng.

#### (ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

#### (iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 25.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 25.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## 26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính giữa niên độ và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

### *Tài sản tài chính*

► *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**Tài sản tài chính** (tiếp theo)

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quý có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quý xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Quý có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán:*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.*

Là các khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quý xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền				
- Tiền gửi ngân hàng	15.690.368.400	15.690.368.400	6.760.228.221	6.760.228.221
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	62.434.038.465	62.434.038.465	25.462.662.019	25.462.662.019
Các khoản đầu tư				
- Cổ phiếu niêm yết	234.370.019.650	234.370.019.650	144.294.379.250	144.294.379.250
- Quyền mua chứng khoán	835.823.390	835.823.390	781.660.000	781.660.000
Các khoản phải thu				
- Quyền mua chứng khoán	835.823.390	835.823.390	275.654.964	275.654.964
<b>Tổng cộng</b>	<b>313.330.249.905</b>	<b>313.330.249.905</b>	<b>177.574.584.454</b>	<b>177.574.584.454</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư			101.552.100	101.552.100
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	695.676.787	695.676.787	590.264.154	590.264.154
Chi phí phải trả	70.416.448	70.416.448	66.000.000	66.000.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.419.330.159	1.419.330.159	830.171.145	830.171.145
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	268.298.634	268.298.634	365.247.792	365.247.792
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	1.418.287.877	1.418.287.877	2.972.500	2.972.500
Phải trả, phải nộp khác				
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.872.009.905</b>	<b>3.872.009.905</b>	<b>1.956.207.691</b>	<b>1.956.207.691</b>



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**

**27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

**a) Công ty Quản lý Quỹ**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Phí quản lý Quỹ	<u>2.283.733.245</u>	<u>953.283.447</u>

**b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ**

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>60.000.000</u>	<u>60.000.000</u>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

**c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ**

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	14,22%	2.500.000,00	20,06%
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.743.027,88	9,91%	1.743.027,88	13,99%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.355.916,37	13,40%	2.355.916,37	18,91%
Bên liên quan khác		271.292,39	1,54%	196.334,47	1,57%
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.870.236,64</b>	<b>39,07%</b>	<b>6.795.278,72</b>	<b>54,53%</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**27.2 Các hợp đồng then chốt khác**

*Ngân hàng Giám sát*

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng 6 tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng).

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong năm như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
	<i>Ngân hàng Standard Chartered VND</i>	<i>Ngân hàng Deutsche Bank AG VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quý	134.524.201	165.640.845
Phí dịch vụ giám sát	95.700.000	138.600.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	59.400.000	25.486.895
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	-	11.039.828